

Số: 673/QĐ-CĐDLHCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xét công nhận tốt nghiệp
Khối Cao đẳng chính quy khóa 2016 – 2019
Khối: 16CE, CĐ, CT, CQ, CK

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐIỆN LỰC TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số: 3913/QĐ-EVNSPC ngày 13/10/2017 của Tổng công ty Điện lực Miền Nam “Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh”;

Căn cứ quyết định số: 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 08 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo v/v “Ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy”;

Theo đề nghị của Hội đồng thi và xét tốt nghiệp Trường cao đẳng Điện lực TP. Hồ Chí Minh trong phiên họp ngày 15/10/2019;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp cho:

189/247 sinh viên cao đẳng CQ khóa 2016 – 2019 (lớp: 16CE, CT, CĐ, CK, CQ)

Ngành: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Tự động hóa;
Điện công nghiệp; Quản trị kinh doanh, Kế toán

(Danh sách đính kèm)

Điều 2. Không công nhận tốt nghiệp cho:

58/247 sinh viên cao đẳng CQ khóa 2016 – 2019 (lớp: 16CE, CT, CĐ, CQ, CK)

(Danh sách đính kèm)

Điều 3. Sinh viên tốt nghiệp sẽ được Trường cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng chính quy theo quy định hiện hành.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông Trưởng phòng Đào tạo, Quản lý HS-SV, Kế Hoạch - Tài chính và các sinh viên có tên trên căn cứ quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- BGH (e-copy);
- P.QLHS-SV (e-copy);
- P.KHTC (e-copy);
- Website nhà trường;
- Lưu: VT, ĐT(3).



Phạm Xuân Khang

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2019

BIÊN BẢN HỌP

Hội đồng thi và xét tốt nghiệp
Khối Cao đẳng chính quy khóa 2016 – 2019
Khối: 16CE, CĐ, CQ, CK, CT

- Hôm nay, ngày 15 tháng 10 năm 2019 vào lúc 13h00;
- Địa điểm:** Phòng họp nhà B.
- Thành phần tham dự:**
 - Ô. Phạm Xuân Khang, Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng;
 - Ô. Nguyễn Quốc Thanh Long, TP. Đào tạo, Ủy viên thư ký;
 - B. Võ Thị Hằng Uyên, PTP. Đào tạo, Ủy viên;
 - Ô. Trần Thanh Sơn, TP. Quản lý HS-SV, Ủy viên;
 - B. Trần Thị Thu Hà, Thư ký giáo vụ, Thư ký.
- Nội dung:** Xét công nhận tốt nghiệp cho 247 sinh viên cao đẳng chính quy khóa 2016 – 2019. **Ngành: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Tự động hóa; Điện công nghiệp; Quản trị kinh doanh; Kế toán.**
- Ông Long Trưởng phòng Đào tạo báo cáo kết quả thi đối với khối sinh viên trên như sau:
Kết quả thi tốt nghiệp:

Khối	Tổng số	Tốt nghiệp		Không tốt nghiệp	
		Tốt nghiệp	Tỷ lệ %	Không tốt nghiệp	Tỷ lệ %
Khối CĐCQ khóa 2016 (16CE)	150	111	74.00%	39	26.00%
Khối CĐCQ khóa 2016 (16CĐ)	51	37	72.55%	14	27.45%
Khối CĐCQ khóa 2016 (16CQ)	08	07	87.50%	01	12.50%
Khối CĐCQ khóa 2016 (16CK)	16	16	100%	0	0
Khối CĐCQ khóa 2016 (16CT)	22	18	81.82%	04	18.18%
Tổng	247	189	76.52%	58	23.48%

Kết quả xếp loại tốt nghiệp:

Giỏi: 04/189 Tỷ lệ: 2.12%
Khá: 73/189 Tỷ lệ: 38.62%
TB: 112/189 Tỷ lệ: 59.26%

Căn cứ Quyết định số: 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 08 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo v/v “Ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy”, tất cả thành viên hội đồng nhất trí đối với kết quả như trên. Đề nghị Hiệu trưởng ban hành quyết định công nhận tốt nghiệp theo quy định hiện hành.

Cuộc họp kết thúc lúc 14h30 cùng ngày.

Biên bản đã được đọc lại cho tất cả mọi người cùng nghe.

UV. thư ký



Nguyễn Quốc Thanh Long



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2019



THÔNG BÁO

Về việc liên hệ Phòng Đào tạo để học lại)

- Các sinh viên khóa cao đẳng 2016 không được công nhận tốt nghiệp phải viết đơn xin học lại các học phần bị điểm F, F⁺, D, D⁺ để cải thiện điểm chung bình chung tích lũy. (**Điều kiện xét tốt nghiệp: Điểm chung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên...**)

Mọi chi tiết xin liên hệ:

- Phòng Đào tạo: Số 554 Hà Huy Giáp, Thạnh Lộc Q.12 TPHCM
- Số Điện thoại: 08.38919461

P. Đào tạo

Nguyễn Quốc Thanh Long

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Điểm học tập					% tín chỉ thi lại	Kỹ luật	Xếp loại tốt nghiệp
						ĐRL	Xếp loại	GQQP	GDTC	NLTT	SCADA	TBCTL			
18	16CEIA_47	Đỗ Vương Gia	Quyên	06/04/1998		82	Tốt	7.9	7.3	7.8	7.5		3.18		Khá
19	16CEIA_48	Nguyễn Thị Phương	Quyên	27/07/1998	Long An	69	TB Khá	0.0	7.3	8.5	5.7		2.21	14.7	Trung bình
20	15CEIA_48	Võ Trường	Son	25/09/1997	Phú Yên	49	Yếu	7.4	5.7	7.0	6.4		2.18	10	x Trung bình
21	16CEIA_49	Nguyễn Văn	Thái	29/06/1998	Bình Dương	69	TB Khá	6.5	8.7	7.9	6.5		2.39	9.2	Trung bình
22	16CEIA_50	Cao Nhật	Thành	21/05/1997	Bạc Liêu	75	Khá	7.0	5.7	7.9	6.6		2.41	15.6	Trung bình
23	16CEIA_51	Huỳnh Đức	Thiện	05/09/1997	Bình Phước	71	Khá	6.4	8.0	8.0	6.2		2.17	7.3	Trung bình
24	16CEIA_52	Nguyễn Bình	Thường	12/08/1998	Đồng Tháp	76	Khá	6.7	7.3	8.0	6.6		3.16	1.8	Khá
25	16CEIA_53	Trần Bảo	Tín	03/10/1998	Tp. Hồ Chí Minh	73	Khá	6.3	5.3	7.8	6.2		2.28	7.3	Trung bình
26	16CEIA_55	Nguyễn Thị Mai	Trang	26/03/1998	Long An	69	TB Khá	6.8	9.0	7.2	5.9		2.38	23.9	Trung bình
27	16CEIA_57	Võ Minh	Trường	04/02/1998	Bà Rịa-Vũng Tàu	72	Khá	6.0	8.0	7.8	6.4		2.70	7.3	Khá
28	16CEIA_59	Trần Thanh Thảo	Vy	15/04/1998	Tây Ninh	66	TB Khá	7.4	6.7	7.3	6.6		2.28	21.1	Trung bình
29	16CEIC_56	Huỳnh Tấn	Vỹ	24/12/1998	Quảng Ngãi	68	TB Khá	7.6	6.0	7.2	5.9		2.13	16.5	Trung bình

Tổng cộng danh sách này có: 29

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	0	0.00%
Giỏi	0	0.00%	TB	22	75.86%
Khá	7	24.14%			

Ghi chú:

NLTT : NLTT

SCADA : SCADA

:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2019



TS. Phạm Xuân Khang

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Điểm học tập						% tín chỉ thi lại	Kỹ luật	Xếp loại tốt nghiệp
						ĐRL	Xếp loại	GQQP	GDTC	NLTT	SCADA		TBCTL			
18	16CE1B_45	Đỗ Hiếu	Tín	02/11/1996	Tây Ninh	74	Khá	6.3	6.3	7.9	5.8		2.31	17.4		Trung bình
19	16CE1B_48	Đào Phát	Triển	29/05/1998	Đồng Nai	82	Tốt	7.3	8.0	8.2	5.4		2.53	19.3		Khá
20	16CE1B_49	Nguyễn Đức	Trọng	31/05/1998	Bình Thuận	70	Khá	6.8	6.0	7.5	6.2		2.27	24.8		Trung bình
21	16CE1E_53	Nguyễn Đình	Văn	09/11/1998	Bình Dương	74	Khá	6.4	7.3	8.2	6.9		2.34	16.5		Trung bình
22	16CE1B_51	Nguyễn Phú	Văn	25/11/1998	Đồng Tháp	75	Khá	7.7	7.3	8.2	6.9		2.53	10.1		Khá

Tổng cộng danh sách này có: 22

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	0	0.00%
Giỏi	0	0.00%	TB	15	68.18%
Khá	7	31.82%			

Ghi chú:

NLTT : NLTT
SCADA : SCADA
:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG



TS. Phạm Xuân Khang



DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số: 672/... ngày 15 tháng 10 năm 2019)

Khóa học : CDK2016

Ngành đào tạo : Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử

Khoa : Cao đẳng Điện lực TPHCM

Chuyên ngành : Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử

Bậc đào tạo : Cao đẳng chính quy

Lớp học : 16CE1B

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Điểm học tập						% tín chỉ thi lại	Kỹ luật	Xếp loại tốt nghiệp
						ĐRL	Xếp loại	GQOP	GĐTC	NLTT	SCADA		TBCTL			
1	16CE1B_01	Nguyễn Trường	An	05/07/1998	Bình Dương	70	Khá	7.3	7.0	5.8	1.5		2.03	39.4		không đạt
2	16CE1B_03	Nguyễn Hoàng	Ân	21/02/1998	Bình Dương	68	TB Khá	6.7	5.3	7.1	5.5		2.16	33.9		không đạt
3	16CE1B_07	Hà Tấn	Cường	03/01/1998	Tiền Giang	75	Khá	6.8	6.7	2.6	1.7		2.24	19.3		không đạt
4	16CE1B_08	Lê	Duy	26/06/1998	Đồng Tháp	74	Khá	7.5	7.3	0.0	0.0		2.30	45.9		không đạt
5	16CE1B_11	Tan Văn	Đa	16/08/1997	Tp. Hồ Chí Minh	76	Khá	0.0	8.0	7.1	5.9		2.20	11		không đạt
6	16CE1B_12	Nguyễn Anh	Đức	19/05/1998	Đắk Lắk	58	TB	7.1	5.7	5.3	4.2		2.25	30.3		không đạt
7	16CE1B_17	Lê Hoàng	Hiệp	10/05/1998	Bình Thuận	67	TB Khá	6.5	5.3	6.8	6.4		2.25	16.5		không đạt
8	16CE1B_18	Đặng Minh	Hoàng	16/12/1997	Bình Dương	65	TB Khá	6.5	5.3	1.9	0.9		1.90	40.4		không đạt
9	16CE1B_25	Trần Bảo	Long	08/12/1998	Sóc Trăng	67	TB Khá	6.6	8.0	0.0	0.4		1.83	64.2		không đạt
10	16CE1B_29	Huỳnh Đức	Nhã	06/09/1998	Long An	70	Khá	7.5	5.0	7.5	7.8		2.16	26.6		không đạt
11	16CE1E_35	Phạm Thành	Nhật	16/10/1998	Tp. Hồ Chí Minh	76	Khá	6.7	6.0	5.8	8.4		2.01	23.9		không đạt
12	16CE1B_38	Trần Thị Thảo	Sương	01/05/1998	Bến Tre	82	Tốt	6.7	7.0	0.0	0.2		2.03	53.2		không đạt

Tổng cộng danh sách này có: 12

Ghi chú:

NLTT : NLTT

SCADA : SCADA

:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2019


HIỆU TRƯỞNG
TS. Phạm Xuân Khang

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số: *673* ngày *15* . . tháng *10* . . năm 20*19* .)

Khóa học : CDK2016

Ngành đào tạo : Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử

Khoa : Cao đẳng Điện lực TPHCM

Chuyên ngành : Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử

Bậc đào tạo : Cao đẳng chính quy

Lớp học : 16CE1C

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Điểm học tập						% tín chỉ thi lại	Kỷ luật	Xếp loại tốt nghiệp
						ĐRL	Xếp loại	GQOP	GDTC	NLTT	SCADA		TBCTL			
1	16CE1C_01	Lê Trương Đức	Anh	26/02/1998	Bình Thuận	74	Khá	7.1	7.3	6.4	6.2		2.22	22.9		Trung bình
2	16CE1E_02	Dương Hoài	Ân	20/10/1998	Bình Phước	73	Khá	7.0	5.7	5.9	6.8		2.17	24.8		Trung bình
3	16CE1C_04	Nguyễn Quốc	Bào	03/05/1998	Bình Thuận	73	Khá	6.1	5.0	7.6	7.0		2.24	12.8		Trung bình
4	16CE1E_04	Nguyễn Chí	Cương	24/11/1998	Cà Mau	75	Khá	7.0	7.3	7.4	6.9		2.14	6.4		Trung bình
5	16CE1E_05	Lưu Quốc	Cường	27/11/1998	Tp. Hồ Chí Minh	71	Khá	7.0	5.3	7.0	6.4		2.60	7.3		Khá
6	16CE1C_08	Đỗ Quốc	Dũng	04/03/1998	Tp. Hồ Chí Minh	74	Khá	6.7	7.7	6.9	5.5		2.02	16.5		Trung bình
7	16CE1E_09	Nguyễn Thái	Dương	04/12/1998	Cần Thơ	70	Khá	7.3	7.3	6.9	5.9		2.19	5.5		Trung bình
8	16CE1E_10	Nguyễn Thái Hưng	Dương	12/04/1998	Tây Ninh	77	Khá	7.6	8.0	7.1	6.8		2.72	1.8		Khá
9	16CE1E_12	Nguyễn Thành	Đạt	26/08/1998	Tây Ninh	69	TB Khá	7.1	7.7	6.2	7.2		2.33	24.8		Trung bình
10	16CE1E_15	Nguyễn Ngọc	Đức	05/02/1998	Bình Phước	72	Khá	7.2	6.7	5.2	6.3		2.29	25.7		Trung bình
11	16CE1C_13	Phạm Trung	Hiếu	15/12/1998	Đồng Tháp	79	Khá	8.2	8.0	7.0	7.1		2.56	2.8		Khá
12	16CE1E_18	Tôn Trọng	Hiệp	29/07/1998	Ninh Thuận	70	Khá	7.4	6.7	6.6	7.2		2.09	5.5		Trung bình
13	16CE1E_19	Thái Bá	Hòa	21/08/1998	Gia Lai	71	Khá	7.1	6.3	6.6	5.6		2.04	11		Trung bình
14	16CE1E_21	Lê Quốc	Huy	06/06/1998	Đồng Tháp	76	Khá	6.8	8.3	7.7	7.9		2.65			Khá
15	16CE1C_17	Lưu Thanh	Hùng	26/11/1997	Tiền Giang	72	Khá	6.8	7.0	6.4	4.6		2.00	22.9		Trung bình
16	16CE1E_22	Nguyễn Bá	Khang	23/10/1998	Bình Thuận	74	Khá	7.5	7.3	7.4	5.6		2.22	21.1		Trung bình
17	16CE1C_19	Phạm Hữu	Khang	21/11/1998	An Giang	74	Khá	6.2	6.3	7.2	5.3		2.30	21.1		Trung bình



STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Điểm học tập						% tín chỉ thi lại	Kỷ luật	Xếp loại tốt nghiệp
						ĐRL	Xếp loại	GOQP	GDTC	NLTT	SCADA		TBCTL			
18	16CE1E_24	Đỗ Đăng	Khoa	28/04/1997	Tiền Giang	74	Khá	6.9	6.7	8.5	6.7		2.70	4.6		Khá
19	16CE1C_22	Nguyễn Hữu Đăng	Khoa	09/10/1998	Lâm Đồng	75	Khá	7.0	5.7	6.4	6.7		2.12	14.7		Trung bình
20	16CE1C_23	Nguyễn Lý	Khương	10/02/1998	Ninh Thuận	72	Khá	6.8	6.7	8.1	6.1		2.32	7.3		Trung bình
21	16CE1E_25	Ngô Tuấn	Kiệt	29/08/1998	Tây Ninh	69	TB Khá	7.3	6.7	7.8	6.3		2.13	27.5		Trung bình
22	16CE1C_25	Trần Bình	Liêu	12/01/1998	Bạc Liêu	70	Khá	6.6	9.3	7.2	6.5		2.14	11		Trung bình
23	16CE1C_27	Lê Minh	Long	10/12/1998	Bình Phước	68	TB Khá	6.3	7.0	6.5	4.9		2.09	16.5		Trung bình
24	16CE1C_36	Nguyễn Công	Nhật	13/08/1998	Long An	78	Khá	6.3	8.3	8.1	9.2		2.55	2.8		Khá
25	16CE1E_33	Phan Văn	Nhật	14/08/1998	Bạc Liêu	72	Khá	6.8	6.7	6.7	7.1		2.20	11		Trung bình
26	16CE1C_41	Nguyễn Lê Hoàng	Qui	10/02/1998	Tiền Giang	77	Khá	7.4	5.0	8.5	6.6		2.70	2.8		Khá
27	16CE1E_40	Nguyễn Duy	Tân	24/04/1998	Bình Thuận	68	TB Khá	7.2	7.0	6.9	7.5		2.52	9.2		Khá
28	16CE1C_43	Lữ Đoàn	Thanh	20/12/1998	Trà Vinh	82	Tốt	6.6	5.3	7.8	6.4		2.02	14.7		Trung bình
29	16CE1E_42	Phạm Hoàng	Thái	09/05/1997	Tây Ninh	73	Khá	7.5	5.7	8.0	6.1		2.17	16.5		Trung bình
30	16CE1C_44	Nguyễn Đình	Thần	01/01/1998	Quảng Trị	72	Khá	7.1	7.7	8.0	6.3		2.14	27.5		Trung bình
31	16CE1C_47	Lê Xuân	Thới	03/05/1998	Bình Dương	75	Khá	6.7	7.0	6.4	5.9		2.18	20.2		Trung bình
32	16CE1C_48	Trần Phước	Tiến	02/02/1998	Đồng Tháp	76	Khá	6.6	6.3	8.0	6.2		2.32	20.2		Trung bình
33	16CE1C_54	Trần Lê Tấn	Vũ	23/03/1990	Tp. Hồ Chí Minh	78	Khá	6.7	6.3	7.2	6.4		2.46	4.6		Trung bình
34	16CE1C_55	Võ Hùng	Vương	21/08/1998	Tây Ninh	73	Khá	6.9	5.3	7.2	6.1		2.14	19.3		Trung bình

Tổng cộng danh sách này có: 34

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	0	0.00%
Giỏi	0	0.00%	TB	26	76.47%
Khá	8	23.53%			

Ghi chú:

NLTT : NLTT

SCADA : SCADA

:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2019



HIỆU TRƯỞNG

T.S. Phạm Xuân Khang



STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Điểm học tập						% tín chỉ thi lại	Kỹ luật	Xếp loại tốt nghiệp
						ĐRL	Xếp loại	GQOP	GDTC	NLTT	SCADA		TBCTL			
18	16CE1D_39	Huỳnh Ra	Sin	03/03/1998	Tiền Giang	70	Khá	6.8	9.3	6.9	8.2		2.17	18.3		Trung bình
19	16CE1E_44	Đặng Lê Hữu	Thắng	13/03/1998	Bà Rịa-Vũng Tàu	77	Khá	8.0	6.0	6.2	7.8		2.45			Trung bình
20	16CE1D_42	Trần Minh	Thiện	07/09/1998	Tp. Hồ Chí Minh	72	Khá	7.4	8.0	7.1	6.3		2.08	19.3		Trung bình
21	16CE1E_46	Ngô Song	Thịnh	23/01/1998	Tp. Hồ Chí Minh	76	Khá	6.6	5.0	6.9	6.9		2.75			Khá
22	16CE1D_46	Nguyễn Hữu	Tính	07/11/1998	Bến Tre	76	Khá	6.8	6.7	7.1	7.3		2.63	9.2		Khá
23	16CE1E_50	Dương Thanh	Trọng	12/04/1998	Đồng Tháp	76	Khá	7.1	8.3	7.5	7.1		2.65	9.2		Khá
24	16CE1D_49	Hồ Văn	Trọng	02/10/1998	Tiền Giang	76	Khá	7.2	8.0	7.6	6.8		2.41	7.3		Trung bình
25	16CE1D_51	Trần Nguyễn	Trung	20/08/1998	Bình Thuận	68	TB Khá	6.8	6.0	6.0	7.8		2.38	19.3		Trung bình
26	16CE1D_56	Võ Hoàng Anh	Vũ	17/06/1998	Tp. Hồ Chí Minh	73	Khá	6.9	8.0	6.4	8.3		2.20	26.6		Trung bình

Tổng cộng danh sách này có: 26

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	0	0.00%
Giỏi	0	0.00%	TB	12	46.15%
Khá	14	53.85%			

Ghi chú:

NLTT : NLTT
SCADA : SCADA
:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2019



HIỆU TRƯỞNG

TS. Phạm Xuân Khang



DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số: ... 673... ngày 15... tháng 10... năm 2019)

Khóa học : CDK2016

Ngành đào tạo : Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử

Khoa : Cao đẳng Điện lực TPHCM

Chuyên ngành : Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử

Bậc đào tạo : Cao đẳng chính quy

Lớp học : 16CE1D

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Điểm học tập						% tín chỉ thi lại	Kỹ luật	Xếp loại tốt nghiệp
						ĐRL	Xếp loại	GOQP	GDTC	NLTT	SCADA		TBCTL			
1	16CE1D_01	Trần Phan Thế	Anh	07/11/1998	Bình Thuận	68	TB Khá	7.1	7.7	5.7	6.6		2.10	22	không đạt	
2	15CE1D_10	Đặng Quốc	Cường	17/08/1997	Quảng Ngãi	71	Khá	6.6	6.3	6.4	6.3		2.03	21.1	không đạt	
3	16CE1C_21	Hồ Đăng	Khoa	01/02/1998	Bến Tre	73	Khá	7.5	5.7	5.1	7.6		1.97	19.3	không đạt	
4	16CE1D_26	Trần Bảo	Nguyễn	26/08/1998	Bình Định	70	Khá	7.1	7.3	5.4	8.2		2.34	18.3	không đạt	
5	16CE1E_31	Huỳnh Minh	Nhật	12/09/1998	Tp. Hồ Chí Minh	76	Khá	7.0	8.3	6.4	7.4		2.14	42.2	không đạt	
6	16CE1D_32	Nguyễn Thanh	Phương	23/01/1998	Tp. Hồ Chí Minh	71	Khá	7.1	8.0	4.3	7.3		2.42	9.2	không đạt	
7	16CE1E_52	Kiều Đỗ Anh	Tuấn	01/07/1998	Quảng Nam	76	Khá	6.6	5.3	6.6	6.9		2.23	29.4	không đạt	

Tổng cộng danh sách này có: 7

Ghi chú:

NLTT : NLTT

SCADA : SCADA

:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2019



TS. Pham Xuân Khang

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số: ... 673... ngày 15... tháng 10... năm 2019.)

Khóa học : CDK2016

Ngành đào tạo : Điện công nghiệp

Khoa : Cao đẳng Điện lực TPHCM

Chuyên ngành : Điện công nghiệp

Bậc đào tạo : Cao đẳng chính quy

Lớp học : 16CD1A

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Điểm học tập						% tín chỉ thi lại	Kỹ luật	Xếp loại tốt nghiệp
						ĐRL	Xếp loại	GQQP	GDTC	NLTT	QL&SD NLHQ	Vẽ Điện	TBCTL			
1	16CE1A_05	Lê Trung	Can	03/04/1997	Phú Yên	70	Khá	6.3	7.7	7.5	8.8	5.8	2.61	5.4		không đạt
2	16CE1A_12	Bá Hoài	Đức	08/11/1997	Ninh Thuận	68	TB Khá	6.4	8.7	8.8	8.8	6.2	2.28	11.6		không đạt
3	16CE1C_11	Lê Nghĩa	Hào	10/08/1996	Tỉnh Ninh Thuận	69	TB Khá	6.8	7.0	7.1	8.7	5.6	2.13	16.1		không đạt
4	16CE1A_18	Đào Thế	Hiển	04/06/1998	Tp. Hồ Chí Minh	67	TB Khá	6.4	5.7	8.4	9.0	5.6	2.21	20.5		không đạt
5	16CE1A_42	Nguyễn Thanh	Phúc	27/12/1998		66	TB Khá	6.9	7.3	8.9	8.8	5.4	2.09	33		không đạt
6	16CE1B_39	Mai Tấn	Tài	02/11/1998	Tp. Hồ Chí Minh	56	TB	6.7	5.3	0.0	0.0	0.0	1.96	73.8		không đạt

Tổng cộng danh sách này có: 6

Ghi chú:

NLTT : NLTT

QL&SD : QL&SD NLHQ

NLHQ

Vẽ Điện : Vẽ Điện

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Xuân Khang

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Điểm học tập						% tín chỉ thi lại	Kỹ luật	Xếp loại tốt nghiệp
						ĐRL	Xếp loại	GQOP	GDTC	NLTT	QL&SD NLHQ	Vẽ Điện	TBCTL			
17	16CE1C_45	Nguyễn Thanh	Thiên	02/06/1998	Tp. Hồ Chí Minh	72	Khá	7.5	6.3	8.9	8.5	6.5	2.38	7.1		Trung bình
18	16CE1A_54	Nguyễn Hữu	Toàn	27/03/1998	Đồng Tháp	74	Khá	6.4	8.0	8.3	8.6	6.4	2.39	9.8		Trung bình
19	16CE1C_51	Nguyễn Quốc	Triều	03/06/1998	Bình Thuận	70	Khá	6.6	6.0	8.2	8.0	6.7	2.35	13.4		Trung bình
20	16CE1B_50	Lâm Gia	Tuấn	01/10/1998	Tp. Hồ Chí Minh	74	Khá	7.1	8.0	8.9	8.3	5.8	2.37	8		Trung bình
21	16CE1A_58	Nguyễn Anh	Tuấn	08/07/1998	Đồng Tháp	73	Khá	6.0	6.0	7.5	8.6	6.1	2.52	15.2		Khá

Tổng cộng danh sách này có: 21

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	0	0.00%
Giỏi	1	4.76%	TB	11	52.38%
Khá	9	42.86%			

Ghi chú:

NLTT : NLTT

QL&SD : QL&SD NLHQ

NLHQ

Vẽ Điện : Vẽ Điện

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG



TS. Phạm Xuân Khang



STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Điểm học tập					% tín chỉ thi lại	Kỹ luật	Xếp loại tốt nghiệp
					ĐRL	Xếp loại	GQOP	GĐTC	NLTT	QL&SD NLHQ	Vẽ Điện			

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	0	0.00%
Giỏi	0	0.00%	TB	12	75.00%
Khá	4	25.00%			

Ghi chú:

NLTT : NLTT
 QL&SD : QL&SD NLHQ
 NLHQ
 Vẽ Điện : Vẽ Điện

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2019



HIỆU TRƯỞNG

TS. Pham Xuân Khang



DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số: ... 693 ... ngày 15 ... tháng 10 ... năm 2019.)

Khóa học : CDK2016

Ngành đào tạo : Điện công nghiệp

Khoa : Cao đẳng Điện lực TPHCM

Chuyên ngành : Điện công nghiệp

Bậc đào tạo : Cao đẳng chính quy

Lớp học : 16CD1B

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Điểm học tập						% tín chỉ thi lại	Kỹ luật	Xếp loại tốt nghiệp
						ĐRL	Xếp loại	GQOP	GDTC	NLTT	QL&SD NLHQ	Vẽ Điện	TBCTL			
1	16CE1D_03	Nguyễn Bảo	Dân	10/12/1998	Bà Rịa-Vũng Tàu	78	Khá	6.7	5.0	9.0	9.0	7.1	2.47	17		không đạt
2	16CE1E_16	Nguyễn Trường	Giang	07/10/1998	Trà Vinh	67	TB Khá	6.2	6.0	8.6	8.1	5.6	2.22	14.3		không đạt
3	16CE1E_20	Huỳnh Quang	Huy	13/04/1998	Tp. Hồ Chí Minh	75	Khá	7.0	6.0	9.0	8.8	8.0	2.57	13.4		không đạt
4	16CE1E_32	Trần Văn	Nhị	09/10/1997	Ninh Thuận	73	Khá	7.2	5.0	9.0	8.8	5.4	2.39	15.2		không đạt
5	16CE1D_35	Trần Trung	Quyết	10/01/1998	Đắk Lắk	73	Khá	6.3	7.7	7.6	7.8	5.8	2.42	27.7		không đạt
6	16CE1E_39	Trần Anh	Sơn	08/03/1998	Bình Phước	74	Khá	6.9	5.3	7.0	9.0	5.1	2.33	17		không đạt
7	16CE1D_47	Nguyễn Khắc	Triều	22/06/1998	Cà Mau	70	Khá	7.5	7.7	9.0	8.8	6.2	2.52	26.8		không đạt
8	16CE1E_54	Phạm Đức	Việt	18/03/1998	Đồng Nai	75	Khá	6.9	8.0	7.3	8.6	5.4	2.40	15.2		không đạt

Tổng cộng danh sách này có: 8

Ghi chú:

NLTT : NLTT

QL&SD : QL&SD NLHQ

NLHQ

Vẽ Điện : Vẽ Điện

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2019



TS. Phạm Xuân Khang

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Điểm học tập					% tín chỉ thi lại	Kỹ luật	Xếp loại tốt nghiệp
					ĐRL	Xếp loại	GQQP	GDTC	DAMH	KLTN	KTTM DV			

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	0	0.00%
Giỏi	1	6.25%	TB	11	68.75%
Khá	4	25.00%			

Ghi chú:

DAMH : DAMH

KLTN : KLTN

KTTMDV : KTTMDV

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2019



HIỆU TRƯỞNG

TS. Phạm Xuân Khang



STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Điểm học tập						% tín chỉ thi lại	Kỹ luật	Xếp loại tốt nghiệp
					ĐRL	Xếp loại	GQOP	GDTC	CCD	DL&CB		TBCTL			
18	16CT1A_99	Trần Thùy Trang	23/09/1998		73	Khá	4.9	7.0	6.2	6.1		2.70	1.9		Khá

Tổng cộng danh sách này có: 18

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	0	0.00%
Giỏi	2	11.11%	TB	1	5.56%
Khá	15	83.33%			

Ghi chú:

CCD : CCD

DL&CB : DL&CB

:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG



T.S. Phạm Xuân Khang



STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Điểm học tập						% tỉ chỉ thi lại	Kỷ luật	Xếp loại tốt nghiệp
					ĐRL	Xếp loại	GOQP	GDTC	CCD	DL&CB		TBCTL			
18	16CT1A_99	Trần Thùy Trang	23/09/1998		73	Khá	4.9	7.0	6.2	6.1		2.70	1.9		Khá

Tổng cộng danh sách này có: 18

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	0	0.00%
Giỏi	2	11.11%	TB	1	5.56%
Khá	15	83.33%			

Ghi chú:

CCD : CCD

DL&CB : DL&CB

:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2019 *z*

HIỆU TRƯỞNG



TS. Phạm Xuân Khang



